

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

PHẠM HỮU THỊNH

**PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI**

**Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ
KINH DOANH**

Đà Nẵng, Năm 2011

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Hoàng Tùng

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn

Phản biện 2: TS. Huỳnh Năm

*Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn
Thạc sĩ quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng
vào ngày 08 tháng 01 năm 2012*

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng;*
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.*

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình hội nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thì các DN Việt Nam nói chung và DN tỉnh Quảng Ngãi nói riêng sẽ có nhiều cơ hội, thời cơ đồng thời cũng sẽ có nhiều thách thức, trở ngại trên bước đường hội nhập kinh tế quốc tế. Nó cũng đưa nhiều DN, tổ chức đứng trước những lựa chọn, thách thức vô cùng khó khăn, tồn tại hay không tồn tại, hoạt động sản xuất kinh doanh như thế nào cho có hiệu quả cao nhất.

Trong tiến trình phát triển của đất nước theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, hệ thống công cụ quản lý kinh tế cũng cần đáp ứng vận hành của nền kinh tế thị trường, trong đó việc đánh giá hiệu quả hoạt động của DN là hết sức quan trọng; nhằm để cung cấp các thông tin bổ ích cho nhà quản lý cũng như DN và các nhà đầu tư.

Thực tiễn cho thấy các DN Việt Nam hiện đang phải cạnh tranh hết sức khốc liệt để có thể tồn tại, để có được chỗ đứng trên thương trường mà một trong những yếu tố quyết định cho sự thành công của DN là hoạt động kinh doanh có hiệu quả, được đo lường thông qua các chỉ tiêu gồm tỷ suất lợi nhuận trước thuế thu nhập DN (sau đây gọi tắt là tỷ suất lợi nhuận trước thuế), trên vốn kinh doanh, trên VCSH và trên DT thuần... Chỉ khi nào hiệu quả kinh doanh được tăng lên thì DN mới nâng cao năng suất lao động, góp phần quan trọng vào việc cải thiện thu nhập cho người lao động. Từ đó sẽ tạo động lực kích thích, động viên người lao động tích cực làm việc, phấn đấu vì lợi ích của DN mà gắn bó suốt đời với DN và DN có thể đứng vững được trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai.

Đánh giá tình hình sử dụng các nguồn lực, những nhân tố chủ quan bên trong DN và khách quan bên ngoài đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động DN, để nhà quản trị DN đưa ra các quyết định quản trị kịp thời trước mắt và xây dựng kế hoạch dài hạn.

Xuất phát từ yêu cầu mang tính khách quan cả về lý luận và thực tiễn, do đó tác giả chọn đề tài **“Phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi”** làm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Tổng hợp một cách có hệ thống về nội dung phân tích hiệu quả hoạt động của DN.

Phân tích và đánh giá thực trạng về hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

Thông qua đó để hoàn thiện công tác phân tích và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại DN.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu tình hình hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

Phạm vi nghiên cứu: Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng tất cả các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau: phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp điều tra, phương pháp suy luận logic, phương pháp phân tích ảnh hưởng các nhân tố và các phương pháp khoa học khác.

5. Những đóng góp của luận văn

Trình bày có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc, khái quát những vấn đề về nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

Nghiên cứu thực trạng hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn trước và sau CPH để đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty và rút ra được bài học sau quá trình CPH.

Vận dụng những vấn đề lý luận và thực tiễn để hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả hoạt động và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn được trình bày trong ba Chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về phân tích hiệu quả hoạt động trong DN.

Chương 2. Phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

Chương 3. Hoàn thiện công tác phân tích và một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1. CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1.1. Các khái niệm liên quan

1.1.1.1. Khái niệm Công ty cổ phần

1.1.1.2. Khái niệm hiệu quả hoạt động kinh doanh

Hiệu quả kinh tế là phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực (nhân lực, vật lực, vốn, đất đai...) nhằm đạt được mục tiêu xác định. Trình độ sử dụng các nguồn lực chỉ có thể đánh giá trong mối quan hệ với kết quả tạo ra để xem xét rằng mỗi sự hao phí nguồn lực xác định có thể tạo ra kết quả ở mức độ nào.

Công ty cổ phần hoạt động theo cơ chế thị trường, mục tiêu cuối cùng là lợi nhuận và mục tiêu này gắn liền với mục tiêu thị phần. Như vậy trong đánh giá hiệu quả, xem xét doanh thu và lợi nhuận là yếu tố quan trọng.

1.1.2. Đặc điểm Công ty cổ phần trên giác độ ảnh hưởng đến hiệu quả

Công ty cổ phần là loại hình DN có nhiều chủ sở hữu trong đó có đông đảo người lao động và xây dựng một cơ chế quản lý năng động, hiệu quả, thích nghi với nền kinh tế thị trường. Mô hình tổ chức quản lý thể hiện sự phân định rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm của chủ sở hữu và người điều hành Công ty để hoạt động sản xuất kinh doanh; bộ máy được sắp xếp lại gọn nhẹ; Ban kiểm soát có vai trò quan trọng trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh; vấn đề chi tiêu được giám sát chặt chẽ. Trong Công ty cổ phần, người lao động là cổ đông còn có quyền và nghĩa vụ của cổ đông; Công ty cổ phần có thể huy động vốn bằng cách phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu.

Qua những đặc điểm của Công ty cổ phần được trình bày như trên, chính điều này nó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần.

1.1.3. Bản chất của hiệu quả hoạt động kinh doanh

Kết quả phản ánh những cái thu được sau một quá trình sản xuất kinh doanh hay một khoảng thời gian sản xuất kinh doanh nào đó; hiệu quả phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực sản xuất, trình độ sử dụng các nguồn lực không thể đo bằng các đơn vị hiện vật hoặc giá trị mà là một phạm trù tương đối.

Như vậy, bản chất của hiệu quả hoạt động kinh doanh như sau: hiệu quả hoạt động kinh doanh là một phạm trù phản ánh mặt chất lượng của hoạt động kinh doanh. Nó thể hiện trình độ sử dụng các nguồn lực sản xuất (lao động, máy móc thiết bị, nguyên liệu, vốn, đất đai...) trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh của một DN.

1.1.4. Mục đích của phân tích hiệu quả hoạt động trong DN

Phân tích hiệu quả hoạt động là một trong những khâu quan trọng trong công tác quản trị DN. Đối tượng của phân tích hoạt động DN suy cho đến cùng là kết quả kinh doanh. Thông qua phân tích để đánh giá tình hình sử dụng các nguồn lực, các nhân tố chủ quan bên trong DN và khách quan bên ngoài đã trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả của các mặt hoạt động của DN.

Phân tích hoạt động DN nhằm đến những mục tiêu kế hoạch và kết quả đã thực hiện được, dựa vào kết quả phân tích đề ra các quyết định quản trị kịp thời trước mắt và xây dựng kế hoạch dài hạn.

1.1.5. Sự cần thiết của phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh

Phân tích hoạt động của DN hướng vào phục vụ nội bộ quản trị của DN nên rất linh hoạt và đa dạng trong các phương pháp kỹ thuật và dạng thức báo cáo, trình bày. Hoạt động phân tích nhằm giúp DN tự đánh giá mạnh yếu nhằm củng cố, phát huy, cải tiến quản lý, điều hành Công ty cho phù hợp; khai thác tiềm năng thị trường, nguồn lực DN nhằm đạt hiệu quả cao nhất; ra các quyết định quản trị DN dựa trên cơ sở kết quả phân tích, dự báo, phòng chống rủi ro.

Như vậy phân tích hiệu quả hoạt động trong Công ty cổ phần hết sức cần thiết và có vai trò quan trọng đối với nhà quản trị cũng như cổ đông trong Công ty cổ phần.

1.2. NGUỒN THÔNG TIN VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Nguồn thông tin sử dụng phân tích hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp

- Nguồn thông tin từ bên trong Công ty: Khi phân tích hiệu quả hoạt động trong DN, cần phải có các thông tin từ bên trong của DN như thông tin từ báo cáo tài chính và các báo cáo nội bộ của Công ty.

- Nguồn thông tin từ bên ngoài Công ty: Để phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty phải cần đến những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty như thông tin về sự tăng trưởng, suy thoái của nền kinh tế, lạm phát, giảm phát; các chính sách của Nhà nước...

1.2.2. Phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động trong Công ty cổ phần

Khi phân tích hiệu quả hoạt động của DN, có nhiều phương pháp khác nhau được sử dụng để phân tích. Tùy thuộc vào mục đích phân tích, mà có thể vận dụng các phương pháp phân tích thích hợp; một số phương

pháp chủ yếu được sử dụng là: Phương pháp so sánh, phương pháp chi tiết của chỉ tiêu phân tích, phương pháp thay thế liên hoàn và số dư chênh lệch.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.3.1. Các nhân tố bên ngoài DN: Nhân tố bên ngoài DN như: môi trường kinh doanh, môi trường cạnh tranh.

1.3.2. Các nhân tố bên trong DN: Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả như: Lao động, vốn kinh doanh, máy móc thiết bị, công nghệ, quản trị.

1.4. NỘI DUNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

1.4.1. Phân tích hiệu quả kinh doanh

1.4.1.1 Phân tích hiệu quả kinh doanh cá biệt

a) Các tỷ số quản trị tài sản:

Hiệu suất sử dụng TS, hiệu suất sử dụng TSCĐ, hiệu suất sử dụng VLD.

b) Các tỷ số thanh khoản:

Tỷ số thanh khoản hiện thời, tỷ số thanh khoản nhanh.

1.4.1.2. Phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp

Phân tích khả năng sinh lời là điều kiện để duy trì sự tồn tại và phát triển của DN. Được đo lường bằng tỷ số giữa lợi nhuận với các chỉ tiêu kết quả hoặc giữa lợi nhuận với phương tiện của DN. Chỉ tiêu tổng quát:

$$K = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Nguồn lực kinh doanh}}$$

Để phân tích khả năng sinh lời từ các hoạt động, sử dụng các chỉ tiêu: Tỷ suất lợi nhuận trên DT, tỷ suất lợi nhuận trên DT thuần hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, phân tích khả năng sinh lời của tài sản.

- Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (RE):

Trong các chỉ tiêu được trình bày như trên thì chỉ tiêu ROA được phản ánh tổng hợp nhất và được biểu hiện mối quan hệ giữa lợi nhuận so với tài sản.

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng tài sản BQ}} \times 100\%$$

1.4.2. Phân tích hiệu quả tài chính của DN

1.4.2.1. Chỉ tiêu ROE

Khả năng sinh lời VCSH thể hiện qua mối quan hệ giữa lợi nhuận của DN với VCSH, vốn thực có của DN.

Thuế suất thuế thu nhập DN thường thay đổi, vì phải phụ thuộc vào chính sách nhà nước và các chế độ quy định. Do vậy, sử dụng lợi nhuận trước thuế trong phân tích sẽ loại trừ được ảnh hưởng của chính sách thuế thường biến động của nhà nước mà vẫn phản ánh chính xác hiệu quả tài chính của DN.

1.4.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính

- Hiệu quả kinh doanh:

Ảnh hưởng của hiệu quả kinh doanh đến tỷ suất sinh lời VCSH có thể nhận diện qua các chỉ tiết sau:

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{DT}} \times \frac{\text{DT}}{\text{Tài sản}} \times \frac{\text{Tài sản}}{\text{Vốn CSH}}$$

Trong mối quan hệ trên, ROE có mối liên hệ với chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên DT và hiệu suất sử dụng tài sản. Rõ ràng hiệu quả kinh doanh của DN cao sẽ dẫn đến khả năng sinh lời VCSH lớn và ngược lại. Hiệu quả kinh doanh là nguồn gốc chủ yếu tạo nên hiệu quả tài chính của DN. Tuy nhiên không phải lúc nào hiệu quả kinh doanh tăng sẽ dẫn đến hiệu quả tài chính tăng, điều này còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố khác.

- Độ lớn đòn bẩy tài chính:

Độ lớn đòn bẩy tài chính thể hiện cấu trúc nguồn vốn của DN ở thời điểm hiện tại. Độ lớn đòn bẩy tài chính càng lớn càng có sức mạnh làm cho tỷ suất sinh lời của VCSH tăng cao khi hoạt động hiệu quả; ngược lại chính độ lớn đòn bẩy tài chính lớn sẽ là động lực làm giảm tỷ suất sinh lời của VCSH khi khối lượng hoạt động giảm.

1.4.2.3. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn góp cổ đông

Khi phân tích hiệu quả sử dụng vốn góp của cổ đông, sử dụng các chỉ tiêu để phân tích như: Suất sinh lời của vốn cổ phần thường, lợi nhuận cho mỗi cổ phiếu thường, hệ số giá cả so với lợi nhuận cổ phiếu, mức chi trả cổ tức so với lợi nhuận cổ phiếu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Phân tích hiệu quả hoạt động DN là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, là một trong những khâu quan trọng trong công tác quản trị DN. Hiệu quả hoạt động của các Công ty cổ phần là sự quan tâm của nhiều đối tượng khác nhau.

Qua trình bày cơ sở lý luận về phân tích hiệu quả của Công ty cổ phần đã giải quyết một số vấn đề lý luận về cơ sở dữ liệu, nguồn thông tin, phương pháp phân tích và nội dung phân tích để làm cơ sở cho việc phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.1.1. Lịch sử hình thành

Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở CPH DN nhà nước và ra đời với số vốn điều lệ ban đầu

12.237.000.000VNĐ, cho đến hết ngày 31/12/2010 vốn điều lệ đã tăng lên 46.922.000.000VNĐ. Hiện nay Công ty có 09 đơn vị trực thuộc, một Văn phòng đại diện và một Công ty con.

2.1.1.2. Quá trình phát triển

Trải qua hơn 20 mười năm hình thành và phát triển, Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi đã có nhiều nỗ lực cố gắng vượt bậc, luôn luôn vượt qua khó khăn và đã đạt được hiệu quả khả quan và đã vươn lên thành một Công ty mạnh của tỉnh với 10 đơn vị trực thuộc. Sản phẩm tinh bột sắn của Công ty được xuất khẩu 80% còn lại là tiêu thụ nội địa. Đến nay Công ty đã xây dựng được hệ thống kênh phân phối nhiều lớp đảm bảo tiêu thụ ổn định sản phẩm. Chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và đạt được nhiều giải thưởng.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty

2.1.3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ

2.2. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

2.2.1. Phân tích hiệu quả kinh doanh cá biệt

Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh cá biệt (Hiệu suất sử dụng tài sản, TSCĐ) có sự biến động qua các năm; các chỉ tiêu này trong năm 2006 - 2007 điều tăng, đến năm 2008 - 2010 giảm do Công ty đầu tư đầu tư mới, nâng cấp các nhà máy về thiết bị và nhà xưởng để góp phần tăng năng lực sản xuất.

VLD năm 2007 lưu chuyển tăng so năm 2006, đến năm 2010 vòng quay VLD có xu hướng giảm. Để phân tích cụ thể nguyên nhân giảm, xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng VLD qua hai năm là năm có vòng quay nhanh nhất (năm 2007) và vòng quay thấp nhất (năm 2010),

VLĐ năm 2010 luân chuyển chậm hơn so năm 2007 chủ yếu là do công tác quản lý VLĐ.

Ngoài ra để đánh giá công tác quản lý VLĐ ta cần xem xét các yếu tố như kết cấu VLĐ và phân tích khả năng thanh toán.

Để xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh cá biệt của Công ty và nhận xét chính xác hơn việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của mình, tiến hành phân tích hiệu quả kinh doanh cá biệt của các Nhà máy sản xuất tinh bột sắn trực thuộc Công ty. Nhà máy sản xuất tinh bột mì Tịnh Phong và Sơn Hà, các chỉ tiêu này có xu hướng giảm do thiếu nguyên liệu cho các nhà máy hoạt động làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của Công ty.

Để xác định sự ảnh hưởng của chính sách cổ phần hóa và khi thực hiện cổ phần hóa có sự thay đổi cơ cấu vốn của Công ty đến hiệu quả hoạt động, đồng thời để khẳng định hiệu quả hoạt động của Công ty, tác giả tiến hành phân tích giai đoạn trước và sau cổ phần hóa. Sau CPH, hầu hết các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh cá biệt đều tăng so với trước CPH và chứng tỏ giai đoạn sau CPH Công ty sử dụng các nguồn lực có hiệu quả cao;

Sau cổ phần hóa tài sản của doanh nghiệp tăng nhanh, tăng cả về tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn. Để xem xét sự thay đổi cơ cấu vốn ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty, tiến hành xem xét nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Kết quả phân tích cho thấy vòng quay vốn lưu động giai đoạn sau cổ phần hóa tăng hơn trước cổ phần hóa là do doanh thu tăng.

2.2.2. Phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp

Qua các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của Công ty cho thấy khả năng sinh lời chung từ các hoạt động của DN qua các năm có xu hướng tăng, điều này thể hiện kinh doanh của DN có nhiều tiến bộ rõ rệt và thể hiện sự nỗ lực của Công ty trong việc tăng DT, tiết kiệm chi phí để đạt tối đa hóa lợi nhuận. Tuy nhiên hiệu suất sinh lời của tài sản từ năm 2008-2010 giảm so với năm 2007 do Công ty đang đầu tư xây dựng các Nhà máy sản xuất tinh

bột sắn và Nhà máy cồn Ethanol có giá trị đầu tư lớn, đồng thời trong năm 2009 và năm 2010 việc sử dụng VLĐ kém hiệu quả hơn năm 2007, lợi nhuận năm 2008 giảm do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và lạm phát tăng. Đây chính là nguyên nhân chủ yếu làm giảm khả năng sinh lời tài sản của Công ty so với năm 2007.

Để đánh giá toàn diện hơn về khả năng sinh lời của Công ty, tiến hành phân tích hiệu quả hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh: DT của Công ty từ năm 2006 đến năm 2010 liên tục tăng, trong đó DT từ sản xuất tinh bột sắn chiếm tỷ trọng cao và tăng nhanh nhất qua các năm, DT thương mại có xu hướng giảm dần, cơ cấu DT của Công ty biến động theo chiều hướng gia tăng DT sản xuất, giảm doanh số về kinh doanh thương mại, đối với các khoản DT khác như gia công hàng may mặc, dịch vụ chợ, DT tài chính, thu nhập khác có biến động nhưng tỷ lệ nhỏ.

Hiệu quả kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất tinh bột sắn, lợi nhuận sản xuất tinh bột sắn tăng nhanh, kinh doanh thương mại không tăng, Chợ Quảng Ngãi và Công ty TNHH một thành viên May Đông Thành kinh doanh thua lỗ.

Qua phân tích trên đã thể hiện việc đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên May Đông Thành không có hiệu quả điều này đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong toàn Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

Để xác định các nhân tố chính ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, tiến hành phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp của từng Nhà máy sản xuất tinh bột sắn trực thuộc Công ty.

Công suất hoạt động của nhà máy cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào công tác hạ giá thành sản phẩm tinh bột sắn của các Nhà máy. Trong năm 2009 và năm 2010 các Nhà máy điều hoạt động dưới công suất thiết kế, nguyên nhân: do Công ty đã nâng công suất sản xuất của các Nhà máy nhưng nguồn nguyên liệu chưa được quy hoạch ổn định dẫn đến thiếu nguyên liệu sản xuất; một phần do thống kê, dự báo vùng

nguyên liệu chưa tốt làm cho công tác đánh giá vùng nguyên liệu để xây dựng kế hoạch sản xuất chưa phù hợp.

Qua các chỉ tiêu phân tích thì giai đoạn sau CPH Công ty có chiều hướng phát triển tốt hơn trước CPH, khả năng sinh lời từ các hoạt động của Công ty điều tăng. Như vậy sau cổ phần hóa, cấu trúc vốn của doanh nghiệp thay đổi ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.

2.2.3. Phân tích hiệu quả tài chính

2.2.3.1. Phân tích tỷ số ROE

Khả năng sinh lời trên VCSH qua các năm tăng đáng kể. Để làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính, tác giả còn xem xét đến các yếu tố về hiệu quả kinh doanh, khả năng tự chủ về tài chính, độ lớn đòn bẩy tài chính và khả năng thanh toán lãi vay.

Chỉ tiêu: ROA, RE, tỷ suất lợi nhuận trên DT qua các năm điều tăng, đặc biệt năm 2007. Điều này phản ánh được chiến lược kinh doanh của Công ty hợp lý đặc biệt là chiến lược về giá đồng thời cũng cho biết năng lực của Công ty trong việc kiểm soát các chi phí hoạt động một cách hợp lý. Qua các năm Công ty có hệ số lãi ròng cao nhưng số vòng quay tài sản thấp do Công ty đầu tư tài sản lớn; khả năng thanh toán lãi vay các năm điều lớn hơn 1 điều này chứng tỏ Công ty sử dụng vốn vay có hiệu quả.

Khả năng tự chủ về tài chính được thể hiện qua chỉ tiêu tỷ suất tự tài trợ, tỷ suất tự tài trợ qua các năm có tăng; nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận sau thuế và chính sách thuế của Nhà nước được miễn giảm thuế đối với Công ty Nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần để bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của DN.

Kết quả phân tích chỉ số về độ lớn đòn bẩy tài chính từ năm 2006 đến năm 2010 cho thấy chỉ tiêu này không tăng mà có xu hướng giảm dần. Để xem xét riêng ảnh hưởng của việc vay nợ và đòn bẩy tài chính đối với hiệu quả tài chính, tác giả xem xét đến chỉ tiêu RE. Kết quả phân tích cho thấy tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản lớn hơn lãi suất vay thì việc vay nợ sẽ làm cho hiệu quả tài chính của DN tăng lên. Mặt khác, hiện nay Công ty đang

cần vốn để đầu tư mở rộng kinh doanh, cho nên cần xem xét đến việc vay vốn để mở rộng kinh doanh mà vẫn giữ được hiệu quả kinh doanh như cũ.

Qua phân tích trên cho thấy ROE chịu sự tác động nhiều yếu tố, phụ thuộc trực tiếp vào các quyết định của nhà quản lý thông qua nhiều chính sách như tiêu thụ, sản xuất và tài chính. Để xác định nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính, tác giả còn xem xét sự biến động của các yếu tố chi phí, doanh thu và lợi nhuận, sự biến động chi phí thể hiện Công ty giám sát, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí góp phần làm cho Công ty càng ngày hiệu quả kinh doanh càng cao, cũng là nhân tố ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả tài chính.

Qua bảng phân tích DT và lợi nhuận cho thấy: nếu xét cụ thể về đầu tư vốn tại Công ty TNHH một thành viên May Đông Thành thì việc sử dụng vốn tại Công ty này chưa có hiệu quả, nếu xét trên tổng thể hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi thì Công ty vẫn thu về một khoản lợi nhuận khá lớn để trang trải cho hoạt động trong năm tiếp theo.

Trong 5 năm qua, Công ty đã hoạt động có hiệu quả với lợi nhuận ngày càng tăng cao. Đây là hướng phát triển tốt và có khả năng sẽ tiếp tục được phát triển cao hơn trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên Công ty vẫn có thể gia tăng hơn nữa doanh số để thu về lợi nhuận lớn hơn bằng cách phát triển sản xuất, tìm thị trường mới không chỉ trong nước mà cả nước ngoài, phát triển hơn nữa hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để đánh giá chính xác khả năng tạo ra thu nhập của VCSH và ảnh hưởng của cơ cấu vốn đến hiệu quả, tác giả tiến hành phân tích hiệu quả tài chính của Công ty BQ giai đoạn trước và sau CPH.

So sánh giai đoạn trước và sau CPH thấy sau CPH hiệu quả tài chính tăng cao so với chưa CPH, tỷ suất tự tài trợ của Công ty tăng đáng kể. Nguyên nhân tăng chủ yếu do Công ty kinh doanh có hiệu quả, hàng năm bổ

sung từ lợi nhuận sau thuế vào VCSH, sử dụng hiệu quả nợ vay làm tăng DT, lợi nhuận nên khả năng thanh toán lãi vay cũng được tăng lên.

Như vậy, qua phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty giai đoạn trước và sau cổ phần hóa cho thấy chính sách cổ phần hóa và sự thay đổi cơ cấu vốn hợp lý của Công ty đã tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần. Đây cũng chính là nguyên nhân là bản lề để cho Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi hoạt động có hiệu quả cao.

Qua phân tích giai đoạn trước và sau CPH cho phép khẳng định rằng hiệu quả hoạt động của Công ty sau CPH cao hơn so với trước CPH.

2.2.3.2. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn góp của cổ đông

EPS có xu hướng tăng; nếu xét về ROE thì chỉ số này thấp hơn so với EPS; điều này cho thấy tỷ lệ tăng VCSH cao hơn so với tỷ lệ tăng lên vốn điều lệ, nguyên nhân do hàng năm bổ sung từ lợi nhuận sau thuế vào VCSH và phần thặng dư vốn và thuế thu nhập DN được miễn, giảm theo quy định nhưng chưa được Công ty phân phối cho cổ đông để tăng vốn điều lệ.

Để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đồng thời xác định mối tương quan giữa tiền lương và cổ tức; ta cần phải phân tích hiệu quả sử dụng lao động (năng suất lao động) song song với thu nhập của người lao động, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố. Để đánh giá chỉ tiêu này, tiến hành phân tích kết quả thực hiện so với kế hoạch năm 2010.

Qua kết quả phân tích, phát hiện sự tác động khác nhau giữa các nhân tố đến tiền lương; từ đó ra quyết định chính sách lao động tiền lương tốt hơn; đồng thời phải xem xét mối tương quan giữa tiền lương của người lao động với mức chia cổ tức; Công ty cần có chính sách tiền lương phù hợp, khuyến khích cho người lao động để góp phần tăng hiệu quả hoạt động của DN.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua phân tích hiệu hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Nông sản thực Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010 thể hiện Công ty đạt được kết quả đáng khích lệ. Công ty đầu tư mở rộng quy mô sản xuất để mang lại hiệu quả cao nhất, từng bước nâng cao sức cạnh tranh và vị thế trên thương trường, hiện nay Công ty trở thành một đơn vị mạnh của tỉnh Quảng Ngãi.

Tuy nhiên, trong những năm qua tình hình hoạt động của Công ty cũng tồn tại một số điểm chưa tốt, chưa mang lại hiệu quả cao nhất như: Đối với kinh thương mại dịch vụ, hàng hóa tồn kho tăng dần qua các năm, điều này thể hiện kinh doanh thương mại dịch vụ chưa được tốt, Chợ và Công ty TNHH 01 thành viên Máy Đông Thành kinh doanh không hiệu quả, các nhà máy điều hoạt động dưới công suất thiết kế do Công ty đã nâng công suất sản xuất của các Nhà máy nhưng công tác đánh giá vùng nguyên liệu chưa tốt dẫn đến thiếu nguyên liệu; phân cấp quản lý chưa được phù hợp.

Trên cơ sở phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động của Công ty để hoàn thiện công tác phân tích và đưa ra các giải pháp khắc phục nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

3.1. NHẬN XÉT VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

3.1.1. Nhận xét hiệu quả hoạt động tại Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi

3.1.1.1. Ưu điểm

3.1.1.2. Nhược điểm

Hiệu suất sử dụng TSCĐ có giảm sút, tỷ suất sinh lời trên VCSH thấp hơn so với lãi cơ bản trên cổ phiếu, khả năng thanh khoản và thanh toán nhanh tăng dần qua các năm nhưng chưa cao, chưa được ổn định; đồng thời Công ty đang đầu tư Nhà máy cồn Ephanol (tại Kontum) với kinh phí đầu tư lớn tổng giá trị đầu tư 400 tỷ đồng nhưng chưa có giải pháp tối ưu về vốn; lợi nhuận của Công ty chủ yếu là sản xuất tinh bột sắn, ngược lại Công ty TNHH một thành viên May Đông Thành (Công ty con), kinh doanh thua lỗ; nguồn nguyên liệu chưa đảm bảo cho các Nhà máy hoạt động; chưa xác định được mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của từng trung tâm trách nhiệm như Trung tâm đầu tư, Trung tâm chi phí, Trung tâm DT, Trung tâm lợi nhuận; chưa phân chia mạnh trách nhiệm cho các Nhà máy về khâu nguyên liệu như giá mua, dẫn đến dự báo của các nhà máy về nguyên liệu thiếu chính xác.

3.1.2. Nhận xét ảnh hưởng của chính sách cổ phần hóa đối với hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi

Giai đoạn sau CPH Công ty có chính sách, cơ chế quản lý điều hành năng động, chủ động và linh hoạt, đã đầu tư mở rộng sản xuất, mua sắm máy móc thiết bị tiên tiến để sản xuất kinh doanh, có chính sách khấu hao nhanh, khi thực hiện CPH đã chuyển hướng hoạt động sản xuất gắn liền với thương mại dịch vụ và đầu tư mở rộng vào lĩnh vực sản xuất tinh bột sắn; cơ cấu vốn của doanh nghiệp thay đổi hợp lý. Điều này thể hiện hiệu quả hoạt động của Công ty giai đoạn sau CPH cao hơn trước CPH.

3.1.3. Đánh giá công tác phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi

Kết quả phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động cũng đã góp phần vào việc đánh giá mặt mạnh và yếu của Công ty, đồng thời phản ánh được trình độ sử dụng các nguồn lực. Tuy nhiên, công tác phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động vẫn còn những hạn chế nhất định; như: chưa phân tích được hết hiệu quả sử dụng vốn tối ưu khi huy động vốn; hiện tại các Nhà

máy hoạt động dưới công suất thiết kế nhưng qua phân tích chưa sử dụng đầy đủ các thông tin khách quan bên ngoài để phân tích và cung cấp đầy đủ các thông tin về nguồn nguyên liệu; chưa thể hiện được sự biến động của ROA và ROE để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty; các thông tin chủ yếu được sử dụng để phân tích như trên là thông tin từ bên trong của DN, chưa sử dụng các thông tin khách quan từ bên ngoài để phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty như tình hình xếp hạng tín dụng của các tổ chức tín dụng, đánh giá rủi ro của DN trong quá trình quản lý thuế của cơ quan thuế.

Bằng các kỹ thuật phân tích hiệu quả hoạt động, đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

3.2.1. Phân tích hiệu quả huy động vốn bằng kỹ thuật phân tích quan hệ giữa EBIT với EPS

Khi Công ty đầu tư vào dự án có giá trị đầu tư lớn, thì vấn đề quan trọng đặt ra là nên sử dụng vốn cổ phần hay vốn vay để đầu tư. Nếu sử dụng vốn vay thì tiết kiệm được thuế thu nhập DN (lãi vay được tính vào chi phí trước thuế thu nhập DN), khi vay làm tăng tỷ suất nợ, tính tự chủ tài chính giảm, rủi ro tăng lên; nếu sử dụng vốn cổ phần thì Công ty không chịu áp lực phải hoàn trả vốn gốc và lãi nhưng mất đi phần tiết kiệm thuế thu nhập DN có được từ lãi vay (gọi là lá chắn thuế của lãi vay) và chịu áp lực về trả cổ tức cho cổ đông.

Để có thể lựa chọn phương án nào tài trợ, cần phân tích quan hệ giữa EBIT với lãi cơ bản cổ phiếu (EPS). Phân tích quan hệ EBIT - EPS là phân tích ảnh hưởng của phương án tài trợ khác nhau đối với lợi nhuận trên cổ phần, để tìm ra điểm cân bằng tại đó các phương án tài trợ đều có EPS như nhau. Được xác định theo công thức như sau:

$$EPS = \frac{(EBIT - i)(1 - t) - PD}{NS}$$

Trong đó: i: Lãi suất phải trả hàng năm; t: Thuế suất thuế TNDN; PD: Cổ tức phải trả hàng năm cho cổ phiếu ưu đãi; NS: Số lượng CP phổ thông

Sau khi xác định được EPS của từng phương án kết hợp với mối quan hệ EBIT - EPS để tìm ra điểm cân bằng và so sánh điểm cân bằng với EBIT kỳ vọng để đưa ra quyết định lựa chọn.

Hiện nay Công ty đầu tư xây dựng Nhà máy cồn Ethanol có vốn đầu tư lớn (400 tỷ đồng), theo phương án đầu tư đã được Đại hội cổ đông biểu quyết, dùng VCSH hiện có tại Công ty để thực hiện là 80 tỷ đồng (20% tổng giá trị đầu tư); phần còn lại 320 tỷ đồng, giao cho Hội đồng quản trị có giải pháp huy động vốn để đầu tư; do vậy vận dụng mô hình vào Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi để sử dụng phương án tài trợ tối ưu nhất.

3.2.2. Hoàn thiện nội dung phân tích năng suất hoạt động của các Nhà máy thuộc Công ty

Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ngãi có 02 Nhà máy sản xuất tinh bột sắn, một Nhà máy sản xuất cồn sinh học Ethanol (trực thuộc Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học dầu khí Miền Trung) nguồn nguyên liệu sản xuất chủ yếu là sắn lát (nhà máy đang xây dựng dự kiến cuối 2011 bắt đầu hoạt động, công suất 100.000.000lít/năm, nguyên liệu: 450.000 tấn sắn tươi); do đó việc cạnh tranh để mua nguyên liệu càng ngày càng khốc liệt. Để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy, việc xây dựng ổn định vùng nguyên liệu là một trong vấn đề cốt lõi giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm xuống thấp nhất. Tạo cơ sở vững chắc cho Công ty tự tin hội nhập vào khu vực và thế giới theo hướng bền vững.

Như vậy nếu tính theo công suất thiết kế nguồn nguyên liệu sắn đảm bảo cho hai Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Quảng Ngãi và Nhà máy cồn sinh học Ethanol hoạt động hết công suất là 680.000 tấn củ sắn tươi; theo khảo

sát thống kê của Công ty, vụ trồng 2009-2010 toàn tỉnh tổng diện tích khoảng 10.000 ha, tổng sản lượng khoảng 160.000 tấn củ sắn tươi, nhu cầu nguyên liệu thực tế còn thiếu để cho các Nhà máy hoạt động là 520.000 tấn củ sắn tươi. Vậy nguyên liệu để đảm bảo cho hai nhà máy của Công ty tại Quảng Ngãi hoạt động hết công suất là 230.000 tấn củ sắn tươi, độ bột khoảng 30%, tỷ lệ thu hồi thành phẩm 95,5%.

Qua phân tích về nguyên liệu để tăng công suất hoạt động của Nhà máy Tinh Phong và Sơn Hải và mục tiêu hạ giá thành sản phẩm; đề xuất một số ý kiến về nguyên liệu tại tỉnh Quảng Ngãi như: xây dựng mối quan hệ bền chặt với người nông dân trồng sắn, có bộ phận chuyên sâu về giống, có chính sách đầu tư phát triển vùng sắn nguyên liệu dài hạn trên cơ sở quy hoạch của tỉnh (phát triển vùng sắn ổn định lên khoảng 12.000 ha vào năm 2011 và đến năm 2015 là 15.000 ha), cần phải xác định giá mua cho phù hợp để người nông dân trồng cây sắn mang lại lợi nhuận cao hơn so với những loại cây trồng khác, bảo hiểm giá cho nông dân, đảm bảo cam kết giá mua nguyên liệu theo giá bán tinh bột sắn, phải xây dựng tỷ lệ lãi định mức cho phù hợp.

3.2.3. Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả qua phương trình DuPont

- Phân tích ROA bằng phương trình DuPont:

Dùng phương pháp DuPont để tách hệ số bằng cách nhân tử và mẫu số cho DT; như vậy công thức tính ROA được viết lại như sau:

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{DT} \times \frac{DT}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$ROA = \text{Tỷ suất lợi nhuận trên DT thuần} \times \text{Hiệu suất sử dụng tài sản}$$

- Phân tích ROE bằng phương trình DuPont:

Phương trình DuPont là phương pháp phân tích ROE dựa vào mối quan hệ với ROA bằng cách tách nhỏ các nhân tố, phương trình này được viết:

Công thức ROE có thể được viết lại như sau:

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{DT}} \times \frac{\text{DT}}{\text{Tài sản}} \times \frac{\text{Tài sản}}{\text{VCSH}}$$

(1) (2) (3)

Trong đó: (1) hệ số lãi; (2) vòng quay tài sản; (3) đòn bẩy tài chính.

Phương trình DuPont có thể viết lại theo các nhân tố sau đây:

$$\text{ROE} = \text{Hệ số lãi} \times \text{Vòng quay tài sản} \times \text{Đòn bẩy tài chính}$$

- Vận dụng phương trình DuPont, tiến hành phân tích ROA và ROE dựa vào mối quan hệ với tỷ suất sinh lợi nhuận trên DT và hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty giai đoạn 2006 - 2010 cho thấy: ROA phụ thuộc vào tỷ suất lợi nhuận trên DT và hiệu suất sử dụng tài sản; ROE phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh thể hiện qua tỷ suất sinh lợi nhuận trên DT và hiệu suất sử dụng tài sản; phụ thuộc vào tình hình tài chính thể hiện qua đòn bẩy tài chính.

3.3.4. Hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả hoạt động bằng phương pháp sử dụng các chỉ tiêu đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức tài trợ vốn

Để đánh giá tình hình hoạt động của DN ngoài những thông tin đã được phân tích tại Chương 2, cần phải có những thông tin khách quan bên ngoài của DN như tình hình xếp hạng tín dụng của các tổ chức tín dụng, đánh giá rủi ro của DN trong quá trình quản lý thuế của cơ quan thuế. Việc sử dụng các chỉ tiêu này là hết sức khách quan, điều này để khẳng định DN hoạt động có hiệu quả hay không.

- Vận dụng vào các chỉ tiêu về xếp hạng tín dụng để đánh giá rủi ro doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng và đánh giá rủi ro của DN trong quá

trình quản lý thuế của cơ quan thuế, để đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

Ngân hàng Vietcombank Quảng Ngãi đã xếp loại và đánh giá Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi là một đơn vị lớn có rủi ro rất thấp và đồng ý tài vốn cho Công ty khi có nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Phân tích rủi ro trong quá trình nộp ngân sách nhà nước:

Trong những năm qua Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi đã đóng góp rất lớn về nộp ngân sách đối với tỉnh Quảng Ngãi, để đánh giá tình hình chấp hành pháp luật về lĩnh vực thuế, cần thu thập thông tin từ cơ quan thuế để xem xét đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty.

Qua kết quả đánh giá tình hình rủi ro của Cục thuế Quảng Ngãi, Công ty có mức độ rủi ro thấp, điều này được thể hiện qua các năm Công ty kinh doanh có hiệu quả cao.

Như vậy ngoài việc sử dụng các chỉ tiêu đã được phân tích tại Chương 2, tác giả sử dụng các chỉ tiêu đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước (Cục Thuế Quảng Ngãi) và tổ chức tài trợ vốn (Ngân hàng Vietcombank Quảng Ngãi) để đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. Qua phân tích một số chỉ tiêu trên, đã thể hiện Công ty có mức độ rủi ro rất thấp; điều này cho phép khẳng định rằng, qua các năm sau khi cổ phần hóa Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi đã sử dụng các nguồn lực có hiệu quả cao.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

3.3.1. Sắp xếp đổi mới Công ty TNHH một thành viên Mây Đông Thành

Để thay đổi phương thức quản trị Công ty, huy động vốn người lao động trong DN, cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư đổi mới phát triển DN, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn và tài sản là phải sắp xếp tổ chức

lại DN. Như vậy thực hiện CPH Công ty TNHH một thành viên May Đông là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và chính sách nhà nước.

Theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển DN 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần; có ba hình thức CPH: Bán hết vốn hiện có tại DN; bán một phần vốn hiện có tại DN; giữ nguyên phần vốn hiện có tại DN, phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Hiện nay, Công ty có vốn kinh doanh nhỏ không đáp ứng được nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh; để đảm bảo vốn cho hoạt động cần phải tăng vốn điều lệ, do vậy khi thực hiện cổ phần hóa, áp dụng hình thức CPH là giữ nguyên phần vốn hiện có tại DN, phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Để thực hiện phương án sắp xếp đổi mới DN có hiệu quả, trước hết Công ty phải lành mạnh hóa về tài chính tức là phải xử lý toàn bộ tồn tại tài chính như nợ khó đòi, hàng hóa kém phẩm chất, tài sản không cần dùng, chờ thanh lý; lao động phải sắp xếp lại cho phù hợp bằng cách giải quyết lao động dôi dư cho những lao động không sắp xếp được công việc.

Sau khi cổ phần hóa Công ty phân đầu thực hiện những việc sau:

- Để giải quyết khó khăn trước mắt của Công ty, thì vẫn tiếp tục thực hiện may gia công xuất khẩu. Đồng thời từng bước chuyển đổi phương thức sản xuất từ gia công sang sản xuất hàng xuất khẩu trực tiếp (FOB).

- Sắp xếp lại bộ máy quản lý phù hợp với mô hình mới; xây dựng qui chế tiền lương, tiền thưởng theo năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc, làm việc gì hưởng lương việc đó, đảm bảo công bằng, hợp lý và đúng pháp luật; xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.3.2. Hoàn thiện công tác đánh giá trách nhiệm tại Công ty

Qua khảo sát thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty thấy rằng: Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh được giao cho các nhà máy thực hiện dựa vào các tiêu chí chung cho toàn Công ty. Một số chỉ tiêu KH và lãi vay, đây là hai khoản mục chi

phí chiếm tỷ trọng lớn trong các nhà máy, Công ty lập kế hoạch cân đối và giao xuống cho từng nhà máy thực hiện. Do vậy, mức KH, lãi vay giao cho các nhà máy mang tính chất tương đối không đảm bảo chính xác với giá trị TSCĐ hay nguồn vốn vay được sử dụng cụ thể từng đơn vị. Đồng thời chưa xác định được mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của từng trung tâm trách nhiệm như Trung tâm đầu tư, Trung tâm chi phí, Trung tâm DT, Trung tâm lợi nhuận; chưa phân chia mạnh trách nhiệm cho các Nhà máy về khâu nguyên liệu như giá mua, dẫn đến dự báo của các nhà máy về nguyên liệu thiếu chính xác.

Để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, Công ty cần phải hoàn thiện công tác đánh giá trách nhiệm.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, hiện nay công tác đánh giá trách nhiệm tại Công ty chưa được thực hiện một cách rõ ràng, chưa hình thành các trung tâm trách nhiệm riêng biệt cũng như các chỉ tiêu đánh giá một cách cụ thể. Do vậy, để có cơ sở để đánh giá trách nhiệm cần hoàn thiện các công việc Xây dựng mô hình các trung tâm trách nhiệm tại Công ty.

Mô hình tổ chức các trung tâm trách nhiệm được xây dựng làm 3 cấp:

Cấp 1 (cấp cao nhất): Công ty đứng đầu là nhà quản trị cấp cao (Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc) chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Công ty.

Cấp 2: Các đơn vị, các nhà máy trực thuộc công ty, đứng đầu là Trưởng các đơn vị, Giám đốc nhà máy.

Cấp 3: Phòng sản xuất, đứng đầu là Trưởng phòng sản xuất; các phân xưởng sản xuất, đứng đầu là Quản đốc phân xưởng

3.4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi là đơn vị được chuyển đổi từ DN Nhà nước; khi chưa CPH Công ty khó khăn về vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao, người đứng đầu Công ty chưa được năng động, chưa tách bạch quyền sở hữu và quyền quản lý. Khi chuyển thành

Công ty cổ phần đã khắc phục được sự yếu kém trên; nhờ vậy mà hiệu quả hoạt động của Công ty tăng rõ rệt. Để có thể giữ vững được vị thế và tiếp tục phát triển trong tương lai, Chương 3 của luận văn đã xác định sự ảnh hưởng của chính sách CPH đối với hiệu quả hoạt động, hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả hoạt động và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Các giải pháp này được dựa trên thực trạng về hiệu quả hoạt động kinh doanh đã được tác giả phân tích tại Chương 2 và phần nào cũng giúp được Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi có cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai.

KẾT LUẬN

Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, sự biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế trong nước dưới sự ảnh hưởng lớn về kinh tế của các nước trong khu vực và thế giới. DN Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi nói riêng, ngày càng phải nâng cao vị thế của mình để đủ sức cạnh tranh với các DN trong và ngoài nước. Để nâng cao sức cạnh tranh của DN nhà nước Việt Nam là phải CPH. Đồng thời có cơ sở cho nhà quản trị DN cấp cao quyết định chiến lược, sách lược cho kịp thời, chính xác thì phải phân tích hiệu quả hoạt động của DN đó; như vậy kết quả của việc phân tích này là nguồn thông tin rất quan trọng và hữu ích cho nhà quản trị DN và các đối tượng quan tâm.

Phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi đối tượng nghiên cứu luận văn đã đi sau nghiên cứu về mặt lý luận và phân tích thực trạng tại Công ty, từ đó để hoàn thiện công tác phân tích và đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi./.